

Số: /QĐ-SNN

Bình Định, ngày tháng 03 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai giao Dự toán**  
**ngân sách nhà nước năm 2024**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-SNN ngày 27/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tổng hợp Sở.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (theo Biểu số 01 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tổng hợp Sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Bình Định;
- Lãnh đạo Sở;
- VPS (Trang thông tin điện tử của Sở);
- Đơn vị sử dụng Ngân sách;
- Lưu: VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Phúc**

**ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày / 3 /2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính : Đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao			Tổng số đã phân bổ			Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Chi cục Phát triển nông thôn		Cơ quan Chi cục Kiểm lâm		Ban quản lý rừng đặc dụng An Toàn	
			Ngân sách Trung ương (Mã dự phòng: 014)	Đối ứng ngân sách tỉnh (Mã dự phòng: 024)		Ngân sách Trung ương (Mã dự phòng: 014)	Đối ứng ngân sách tỉnh (Mã dự phòng: 024)	Ngân sách Trung ương (Mã dự phòng: 014)	Đối ứng ngân sách tỉnh (Mã dự phòng: 024)	Ngân sách Trung ương (Mã dự phòng: 014)	Đối ứng ngân sách tỉnh (Mã dự phòng: 024)	Ngân sách Trung ương (Mã dự phòng: 014)	Đối ứng ngân sách tỉnh (Mã dự phòng: 024)
	<b>ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024- Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>3.161.400.000</b>	<b>2.749.391.000</b>	<b>412.009.000</b>	<b>3.161.400.000</b>	<b>2.749.391.000</b>	<b>412.009.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>0</b>	<b>25.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>2.713.391.000</b>	<b>407.009.000</b>
	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>3.161.400.000</b>	<b>2.749.391.000</b>	<b>412.009.000</b>	<b>3.161.400.000</b>	<b>2.749.391.000</b>	<b>412.009.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>0</b>	<b>25.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>2.713.391.000</b>	<b>407.009.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>3.161.400.000</b>	<b>2.749.391.000</b>	<b>412.009.000</b>	<b>3.161.400.000</b>	<b>2.749.391.000</b>	<b>412.009.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>0</b>	<b>25.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>2.713.391.000</b>	<b>407.009.000</b>
2.1	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. - Loại 280-Khoản 282. Mã CTMT: 0513 - Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và nâng cao thu nhập cho người dân. - Nội dung: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng (khối lượng: 7.913,5ha)	<b>3.120.400.000</b>	2.713.391.000	407.009.000	<b>3.120.400.000</b>	2.713.391.000	407.009.000					2.713.391.000	407.009.000
	+ <i>Khoản chuyển tiếp (Khối lượng: 7.013,5ha)</i>	<b>2.805.400.000</b>	2.439.478.000	365.922.000	<b>2.805.400.000</b>	2.439.478.000	365.922.000					2.439.478.000	365.922.000
	+ <i>Khoản mới (Khối lượng: 900 ha; khoán mới 9 tháng)</i>	<b>270.000.000</b>	234.783.000	35.217.000	<b>270.000.000</b>	234.783.000	35.217.000					234.783.000	35.217.000
	+ <i>Kinh phí lập hồ sơ khoán mới</i>	<b>45.000.000</b>	39.130.000	5.870.000	<b>45.000.000</b>	39.130.000	5.870.000					39.130.000	5.870.000
2.2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình. - Loại 280 - khoản 281. Mã CTMT: 0521 - Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	<b>11.000.000</b>	11.000.000	<b>0</b>	<b>11.000.000</b>	11.000.000	<b>0</b>	11.000.000					
2.3	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình. - Loại 280 - khoản 282. Mã CTMT: 0521 - Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	<b>30.000.000</b>	25.000.000	5.000.000	<b>30.000.000</b>	25.000.000	<b>5.000.000</b>			25.000.000	5.000.000		